

Lời nói đầu

Tính cấp thiết của đề tài

Tại sao lại phải nghiên cứu về phạm trù con người và vấn đề về con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong khi thế giới đã trải qua hai cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật vĩ đại và trên thế giới đã có rất nhiều, rất nhiều nước đã trở thành những nước công nghiệp lớn. Phải chăng đó là vì công nghiệp hoá, hiện đại hoá là phương thức duy nhất để phát triển nền kinh tế thế giới và bất kỳ một quốc gia nào bỏ qua quá trình này đều sẽ trở nên quá chậm, quá lạc hậu so với bước đi của thế giới? Và phải chăng giống như các quốc gia khác, Việt Nam cũng không nằm ngoài quy luật chung đó? Nhưng quan trọng hơn cả, phải chăng con người là chủ thể, là mấu chốt, là điểm khởi đầu cũng như là cái đích của quá trình lâu dài này?

Đúng là trên thực tế ở nhiều quốc gia công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã tạo ra nhiều thành tựu khoa học không thể phủ nhận được. Chẳng hạn việc sử dụng năng lượng nguyên tử, năng lượng mặt trời đã làm giảm sự phụ thuộc của con người vào nguồn năng lượng khoáng sản; sự ra đời của các vật liệu tổng hợp không những giúp con người giảm phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên không tái sinh được mà cung cấp cho con người nguồn vật liệu mới có tính năng ưu việt hơn và tái sinh được. Nhờ phát minh con người sử dụng nguồn vật liệu mới này mà con người đã có thể thu nhỏ máy tính điện tử xuống hàng vạn lần về thể tích đồng thời tăng hiệu năng của nó lên hàng chục vạn lần so với ba chục năm trước. Sự ra đời và xuất hiện các loại vật liệu mới đang ngày càng trở thành nhân tố vô cùng quan

trọng của sự phát triển sức sản xuất xã hội và tiến bộ khoa học công nghệ. Cùng với quá trình tự động hoá, tiến bộ khoa học công nghệ cho thấy khả năng loài người sẽ tiến tới một xã hội của cải tuôn ra rào rạt.

Còn ở Việt Nam thì sao?

Cho đến nay, Việt Nam vẫn thuộc loại những nước nghèo nhất thế giới, nền kinh tế vẫn ở tình trạng lạc hậu, còn mang tính chất tự cấp, tự túc, đất nước chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội, lạm phát còn ở mức cao, sản xuất chưa ổn định, tình hình mất cân đối vẫn nghiêm trọng, bội chi ngân sách còn lớn, tốc độ tăng dân số cao, lao động thất nghiệp hoặc không đủ việc làm ngày càng tăng (7% dân số thành thị thất nghiệp), đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn; tổng sản phẩm quốc dân (GDP) tính theo đầu người thuộc loại thấp nhất thế giới: 220\$ (tại thời điểm tháng 9 năm 1993), thấp hơn Lào, Bangladesh, chỉ bằng 1/9 của Thái Lan, bằng 1/4 của Malaysia, 1/45 của Đài Loan; tốc độ tăng bình quân chậm hơn nhiều nước trong khu vực. Gắn liền với nền kinh tế đó là lối làm ăn tản mạn và tùy tiện của sản xuất nhỏ. Cùng với những truyền thống tốt đẹp mà chúng ta đang kế thừa cũng có những truyền thống lạc hậu của người đã chết đang đè nặng lên vai người đang sống... Vì vậy muốn không bị tụt hậu xa hơn nữa, muốn ổn định mọi mặt để đi lên và phát triển thì tất yếu phải thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Hội nghị lần thứ VI Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khoá VII (từ 24/11/1993 đến 1/12/1993) và Đại hội đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (20-25/1/1994) đã xác định tới đây nước ta “chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới, đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nhằm tạo

thêm nhiều công ăn việc làm, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, cải thiện hơn nữa đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Đây là nhiệm vụ trung tâm có tầm quan trọng hàng đầu trong thời gian tới.” Song dựa vào đâu để đảm bảo việc thực hiện nó cho thật hiệu quả và không phải trả giá quá đắt thì lại không dễ dàng; bởi vì từ chỗ thấy được tính tất yếu nếu không cẩn thận lại dễ sa vào duy ý chí như đã từng xảy ra trước đây hoặc trái lại nếu chỉ thấy khó khăn, bất lợi, thiếu điều kiện rồi cam chịu tụt hậu thì lại là một tai họa. Như vậy cũng có nghĩa là chúng ta đã để lại cho thế hệ tương lai một cái gánh quá nặng và sẽ có tội rất lớn đối với những ai đã hy sinh xương máu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc bảo vệ đất nước.

Nhưng nếu chỉ có như vậy thì tại sao lại phải đề cập đến vấn đề con người? Liệu có phải con người đang giữ một vai trò gì đó trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, và hơn thế nữa phải chăng đó là một vai trò quan trọng, quyết định sự thành bại của sự nghiệp đổi mới này?

Trước hết có thể nói rằng xã hội loài người tồn tại và phát triển dựa vào hai nguồn tài nguyên là: thiên nhiên và con người. Cái quý nhất trong nguồn tài nguyên con người là trí tuệ. Theo quan niệm cổ điển, mọi nguồn tài nguyên thiên nhiên đều có hạn và đều có thể bị khai thác cạn kiệt. Song, sự hiểu biết của con người đã, đang và sẽ không bao giờ chịu dừng lại, nghĩa là nguồn tài nguyên trí tuệ không có giới hạn. Tính vô tận của nguồn tiềm năng trí tuệ là nền tảng để con người nhận thức tính vô tận của thế giới vật chất, tiếp tục nghiên cứu những nguồn tài nguyên thiên nhiên còn vô tận nhưng chưa được khai thác và sử dụng, phát hiện ra những tính năng mới của những dạng tài nguyên đang sử dụng hoặc sáng

tạo ra những nguồn tài nguyên mới vốn không có sẵn trong tự nhiên, nhằm phục vụ cho sự phát triển của xã hội trong những điều kiện mới. Bởi vậy có thể nói, trí tuệ con người là nguồn lực vô tận của sự phát triển xã hội.

Đồng thời, nguồn lực phát triển của xã hội, trước hết và quan trọng hơn cả cũng chính là con người- nguồn tiềm năng sức lao động. Con người đã làm nên lịch sử của chính mình bằng lao động được định hướng bởi trí tuệ đó. Ta đã biết rằng, “tất cả cái gì thúc đẩy con người hoạt động đều tất nhiên phải thông qua đầu óc của họ”(1), tức là phải thông qua trí tuệ của họ. Trước tiên, những nhu cầu về sinh tồn đã thúc đẩy con người hoạt động theo bản năng như bất kỳ một động vật nào khác. Nhưng rồi “bản thân con người bắt đầu tự phân biệt với súc vật ngay khi con người bắt đầu sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình- đó là một bước tiến do tổ chức cơ thể của con người quy định” (2). Sự khác biệt căn bản về mặt “tổ chức cơ thể” giữa con người và con vật chính là bộ óc và đôi bàn tay. Bộ óc điều khiển đôi bàn tay, nghĩa là bằng trí tuệ (bộ óc) và lao động (đôi bàn tay) con người đã tiến hành hoạt động biến đổi tự nhiên làm nên lịch sử xã hội, đồng thời trong quá trình đó đã biến đổi cả bản thân mình.

Cho đến khi lực lượng sản xuất phát triển, đánh dấu bởi những phát minh khoa học, những công nghệ hiện đại thì trí tuệ con người vẫn có sức mạnh áp đảo. Những tư duy máy móc, trí tuệ nhân tạo... dù rộng lớn đến đâu, dù dưới hình thức hoàn hảo nhất cũng chỉ là một mảnh cực nhỏ, một sự phản ánh rất tinh tế thế giới nội tại của con người, chỉ là kết quả của quá trình phát triển khoa học kinh tế, của hoạt động trí tuệ của con người. Mọi máy móc dù hoàn thiện, dù thông minh đến

đâu cũng chỉ là kẻ trung gian cho hoạt động của con người. Do đó con người luôn luôn đã và vẫn là chủ thể duy nhất của mọi hoạt động trong xã hội.

Thực tiễn ngày nay càng khẳng định tính đúng đắn trong quan niệm của Mác về vị trí vai trò không gì thay thế được của con người trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại, của xã hội loài người. Bản thân sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá mà chúng ta đang từng bước thực hiện với những thành công bước đầu của nó cũng ngày càng đòi hỏi mỗi chúng ta phải nhận thức sâu sắc “những giá trị lớn lao và ý nghĩa quyết định của nhân tố con người”, thấy rõ vai trò của con người trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội trên thực tế và trong quan niệm của mỗi chúng ta, con người ngày càng thể hiện rõ vai trò là “chủ thể của mọi sáng tạo, mọi nguồn của cải vật chất và văn hoá, mọi nền văn minh của các quốc gia” (3). Bởi vậy để đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng XHCN và đưa sự nghiệp cách mạng lớn lao đó đến thành công ở một nước vẫn còn trong tình trạng lạc hậu như nước ta, chúng ta không thể không phát triển con người Việt Nam, nâng cao đội ngũ những người lao động nước ta lên một tầm cao chất lượng mới. Nhận định này đã được khẳng định trong nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng: “Nâng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực to lớn của con người Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá”.

Một lần nữa ta có thể khẳng định tính cấp thiết và ý nghĩa quan trọng của việc nghiên cứu đề tài này. Qua đó, triết học tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò của mình trong đời sống xã hội và trong công cuộc đổi mới đất nước. Sự nghiệp công

ng nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta được tiến hành như thế nào, quy mô và nhịp độ của nó ra sao, điều đó một phần tùy thuộc vào sự đóng góp của triết học.

chương I Nguồn gốc và cơ sở lý luận

I . Bản chất con người

Con người là sinh vật có tính xã hội. Đối với Mác “con người không phải là một tồn tại trừu tượng, ẩn náu đâu đó ngoài thế giới” (4). Đó là những con người sống trong một thời đại nhất định, một môi trường xã hội nhất định, có những quan hệ xã hội phong phú, phức tạp và ngày càng phong phú với sự phát triển của văn minh.

Các Mác viết “Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội” (5). Qua luận đề nổi tiếng đó, chúng ta thấy Mác muốn nói bản chất con người, một sự trừu tượng khoa học, là sự khái quát từ đời sống cụ thể, từ thuộc tính của con người hiện thực, thể hệ này qua thể hệ khác, bản chất con người được thể hiện và chỉ có thể được thể hiện thông qua tổng thể các quan hệ xã hội. Muốn tìm bản chất con người thì phải tìm ở bên trong chứ không phải ở bên ngoài đời sống hiện thực của con người. Luận đề của Mác không làm mất đi tính cá nhân, khẳng định sự kỳ diệu, sự phong phú vô hạn của tính cách con người. Nếu đứng trên quan điểm sinh vật học mà xét thì không thể hiểu được chẳng những thực chất của con người, mà ngay cả ý nghĩa của cơ thể con người, từ khi quá trình nguồn gốc loài người kết thúc thì những biến đổi trong cơ thể đều được hướng dẫn bởi ảnh hưởng quyết định của văn hoá: khả năng đối xử có tính người

đối với thế giới và đối với những người khác, khả năng lao động, giao tiếp với những người chung quanh, khả năng tư duy, có những tình cảm đạo đức và những xúc cảm thẩm mỹ, tất cả những cái đó đều không phải là đặc tính của cơ thể mà là những nét đã hình thành trong quá trình thực tiễn lịch sử xã hội, tiêu biểu cho thực chất của con người trong cách biểu hiện và bộc lộ cá thể của nó. Những nét ấy được hình thành nhờ chỗ con người tham gia vào hệ thống các quan hệ xã hội, vào quá trình hoạt động lao động, đi liền với sự tham gia của con người vào quá trình nắm vững và tái tạo nền văn hoá xã hội (lao động, hoạt động). Chính trong quá trình này con người đã tự sáng tạo ra bản thân mình một cách lịch sử và không ngừng tái hiện bản thân mình, tự giáo dục bản thân với tư cách là con người. Tiêu chuẩn lịch sử cho phép người ta phân biệt con người- đó là sản xuất ra công cụ lao động cũng bằng chính công cụ. Đồng thời tiền đề tuyệt đối và điều kiện của văn hoá con người là giới tự nhiên mà con người dùng để xây dựng nền văn hóa của mình bằng cách chinh phục tự nhiên một cách sáng tạo. Con người xã hội là kẻ sáng tạo ra lịch sử, sáng tạo ra bản thân mình. Chính vì vậy, con người hoàn toàn mang tính xã hội.

Vậy thì trong đời sống xã hội con người có vai trò gì?

II . Vai trò của con người trong đời sống xã hội, đặc biệt trong quá trình sản xuất xã hội

Hơn một trăm năm trước, khi khẳng định tiến trình phát triển lịch sử của xã hội loài người là sự thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế xã hội, Các Mác đã nói tới việc lấy sự phát triển toàn diện của con người làm thước đo chung cho sự

phát triển xã hội. Các Mác cho rằng, xu hướng chung của tiến trình phát triển lịch sử được quy định bởi sự phát triển của lực lượng sản xuất bao gồm con người và những công cụ lao động do con người tạo ra. Sự phát triển của lực lượng sản xuất tự nó đã nói lên trình độ phát triển của xã hội qua việc con người chiếm lĩnh và sử dụng ngày càng nhiều lực lượng tự nhiên với tư cách là cơ sở vật chất cho hoạt động sống của chính con người. Chúng ta biết rằng sản xuất là quá trình hoạt động thực tiễn cơ bản của con người nhằm thoả mãn những nhu cầu của mình. Sản xuất quyết định nhu cầu nhưng không có nhu cầu thì cũng không có sản xuất. Nhu cầu của con người tăng lên không ngừng, do đó mà con người luôn luôn phát triển sản xuất vì muốn nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của sản xuất, giảm nhẹ lao động. Vì vậy có thể nói, trong quá trình hoạt động, trước hết và quan trọng hơn cả là hoạt động lao động sản xuất, bộ óc và bàn tay con người không ngừng hoàn thiện. Sự hoàn thiện của bộ óc là cơ sở, là nguồn vật chất vô tận cho những hoạt động ngày càng phức tạp, tinh vi, đa dạng, phong phú của con người, đưa đến sự thay đổi liên tục cơ sở vật chất và kỹ thuật của xã hội. Sự phát triển hoàn thiện không ngừng của trí tuệ con người đã được thể hiện bằng việc truyền đạt, tàng trữ những tri thức lý luận và kinh nghiệm từ thế hệ này sang thế hệ khác và được ghi nhận nhân cách cụ thể, trước hết ở sự biến đổi của công cụ sản xuất. Hay nói cách khác, sức mạnh trí tuệ con người không ngừng được vật thể hoá trong công cụ sản xuất, trong lực lượng sản xuất nói chung. Tính vô tận của trí tuệ con người được biểu hiện ở sự biến đổi không ngừng ở tính đa dạng, phong phú vô cùng tận của công cụ sản xuất trong quá trình phát triển của xã hội. Những cuộc cách mạng lực